

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

----- ❁ ❁ -----

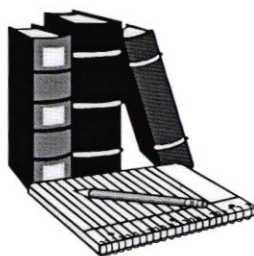


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

----- ❁ ❁ -----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2018

----- ❁ ❁ -----



Nơi nhận:

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2-5
3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7-8
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9-37

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2018	Số đầu năm 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		207.803.890.753	173.650.960.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	35.631.748.854	3.759.691.314
1. Tiền	111		13.681.748.854	3.759.691.314
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.950.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.200.000.000	14.400.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2a	14.200.000.000	14.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.618.017.236	81.150.149.459
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 3	69.482.310.772	61.547.471.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 4	41.390.006.020	19.060.175.060
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		5.740.000.000	3.250.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 5	1.010.100.424	1.194.780.681
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 7	(4.004.399.980)	(3.902.278.089)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V. 6	43.940.554.728	70.113.981.227
1. Hàng tồn kho	141		43.940.554.728	70.113.981.227
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		413.569.935	4.227.138.251
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 12	221.264.876	160.938.010
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		192.305.059	4.065.170.736
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 16	-	1.029.505
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2018	Số đầu năm 01/01/2018
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		324.469.719.558	330.855.166.286
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.927.080.660	3.927.080.660
6. Phải thu dài hạn khác	216	V. 5	3.927.080.660	3.927.080.660
II. Tài sản cố định	220		92.782.822.975	95.314.027.563
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 9	80.686.436.111	83.137.105.627
<i>Nguyên giá</i>	222		143.797.659.645	145.047.659.645
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(63.111.223.534)	(61.910.554.018)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V. 10	12.096.386.864	12.176.921.936
<i>Nguyên giá</i>	228		13.661.264.000	13.661.264.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.564.877.136)	(1.484.342.064)
III. Bất động sản đầu tư	230	V. 11	32.902.738.378	34.283.634.428
<i>Nguyên giá</i>	231		84.632.129.355	84.632.129.355
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(51.729.390.977)	(50.348.494.927)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		881.127.009	881.127.009
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8b	881.127.009	881.127.009
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		187.743.887.318	189.812.409.887
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V. 2b	181.176.173.295	183.244.695.864
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 2b	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(883.905.973)	(883.905.973)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.232.063.218	6.636.886.739
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 12	6.232.063.218	6.636.886.739
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		532.273.610.311	504.506.126.537



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2018	Số đầu năm 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		184.855.172.882	144.887.191.013
I. Nợ ngắn hạn	310		136.139.356.766	95.976.860.532
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 14	30.746.654.067	17.173.112.849
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 15	3.328.575.144	3.348.026.482
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 16	2.329.287.713	2.880.036.433
4. Phải trả người lao động	314		5.979.309.083	6.383.592.179
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 17	3.928.938.431	1.737.092.489
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V. 20a	3.565.127.872	6.672.121.412
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 18	2.188.438.625	2.018.727.842
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 13	80.031.363.106	55.074.161.885
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.521.318.353	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 19	520.344.372	689.988.961
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		48.715.816.116	48.910.330.481
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V. 20b	36.912.435.404	37.106.949.769
7. Phải trả dài hạn khác	337		4.928.380.712	4.928.380.712
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 13	6.875.000.000	6.875.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

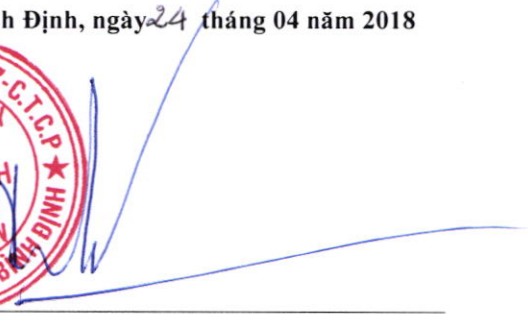
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2018	Số đầu năm 01/01/2018
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		347.418.437.429	359.618.935.524
I. Vốn chủ sở hữu	410		347.418.437.429	359.618.935.524
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 21	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V. 21	522.569.600	522.569.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V. 21	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V. 21	26.643.649.201	26.643.649.201
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 21	12.703.335.540	12.703.335.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 21	26.493.405.023	38.687.285.754
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.562.176.778	16.166.918.832
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.931.228.245	22.520.366.922
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V. 22	6.055.478.065	6.062.095.429
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		532.273.610.311	504.506.126.537

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2018


Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Hoàng Lam
Phụ trách Kế toán


Đồng Thị Ánh
Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu B 02 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2018 -> 31/03/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	
			Năm nay Từ 01/01/2018 -> 31/03/2018	Năm trước Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		117.160.543.594	136.163.133.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	117.160.543.594	136.163.133.891
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	93.342.790.343	113.138.765.447
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.817.753.251	23.024.368.444
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	1.294.032.717	678.430.179
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	893.348.147	706.235.412
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>765.449.632</i>	<i>412.484.956</i>
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	VI. 7	972.679.831	949.244.350
9. Chi phí bán hàng	25		8.729.924.789	8.988.733.028
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.800.249.622	5.853.518.292
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.660.943.241	9.103.556.241
12. Thu nhập khác	31	VI. 5	253.896.962	12.609.162
13. Chi phí khác	32	VI. 6	74.310.047	26.024.664
14. Lợi nhuận khác	40		179.586.915	(13.415.502)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.840.530.156	9.090.140.739
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 8	1.662.761.275	1.602.780.278
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.177.768.881	7.487.360.461
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61	VI. 9	212.132.636	207.634.380
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty mẹ	62		7.965.636.245	7.279.726.081
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 10	290	265
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI. 10	290	265

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2018



(Signature)

Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

(Signature)

Nguyễn Hoàng Lam
Phụ trách kế toán

(Signature)

Đông Thị Ánh
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp

(Từ 01/01/2018 -> 31/03/2018)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 -> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.840.530.156	9.090.140.739
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII. 1	3.835.757.965	3.206.931.064
- Các khoản dự phòng	03		102.121.891	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		29.998.472	160.009.229
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII. 2	(2.255.169.103)	(1.278.718.626)
- Chi phí lãi vay	06		765.449.632	412.484.956
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.318.689.013	11.590.847.362
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.228.313.392)	(19.919.741.420)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		26.173.426.499	18.676.241.071
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		15.352.459.016	(2.590.271.380)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		344.496.655	261.613.552
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(807.491.202)	(448.914.770)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.792.753.484)	(1.109.552.960)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		725.411	1.820.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.045.478.976)	(4.758.340.919)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.315.759.540	1.703.700.536
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(4.797.192.937)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		318.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.090.000.000)	(2.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		800.000.000	2.950.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.167.898.138	3.411.920.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.196.079.956	(1.335.271.977)

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 -> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 3	94.956.133.419	78.420.206.071
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII. 4	(70.126.325.031)	(72.209.905.941)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và CĐTS	36		(19.468.750.000)	(14.625.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.361.058.388	(8.414.699.870)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		31.872.897.884	(8.046.271.311)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.759.691.314	19.875.119.663
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(840.344)	(2.146.338)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		35.631.748.854	11.826.702.014

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2018


Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Hoàng Lam
Phụ trách kế toán

 Đồng Thị Ánh
 Tổng Giám đốc

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyên Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 6 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và khai thác lâm sản khác; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, bảo quản hàng hóa; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở	Cổ phiếu
a. Công ty con					
	Công ty CP DV PT Hạ tầng Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	Phường Nhơn Bình, 198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn	15.000.000.000 10.000.000.000	70,83% 100%	106.250
b. Công ty liên doanh, liên kết					
	Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50%	9.000.000
	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	9.500.000.000	45%	
	Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, Bình Dương	17.600.000.000	31,28%	550.528
	Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	40,01%	600.200
	Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	16.500.000.000	36,36%	600.000
	Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Thôn Quy hội, Xã Phước An, Huyện Tuy Phước, Bình Định	20.000.000.000	35,00%	

c. Các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:

- ▶ **Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico - Chi nhánh Pisico**
Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- ▶ **Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico - Chi nhánh Pisico**
Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- ▶ **Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico - Chi nhánh Pisico**
Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- ▶ **Chi nhánh Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần**
Địa chỉ: 104 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Khả năng so sánh thông tin**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ Kế toán và chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc ngày 31/03/2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam)

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Chứng khoán kinh doanh
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu "các khoản tương đương tiền", chỉ tiêu "phải thu về cho vay ngắn hạn"

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản cho vay được trình bày trong chỉ tiêu "phải thu về cho vay dài hạn"



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng kế ước, hợp đồng vay giữa 2 bên

Các khoản cho vay được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng kế ước, hợp đồng thỏa thuận vay giữa 2 bên

- Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: là các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể; các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

- các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ bao gồm: các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn khi có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường.

Các khoản phải thu được phân loại là dài hạn khi có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường.



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho là thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên liệu và chi phí sản xuất chung

Hàng tồn kho được đánh giá thực tế trên cơ sở kiểm kê số lượng, chất lượng thực tế, mặt bằng giá thị trường hiện thời và giá trị hình thành của tài sản.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tài sản cố định thuê tài chính

- Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD mà TCTy phải trả, phải thanh toán cho các chủ nợ, bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được phân loại là ngắn hạn khi TCTy có trách nhiệm trả trong vòng 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh bình thường

Nợ phải trả được phân loại là dài hạn khi TCTy xác định thời gian phải trả là trên 1 năm

Đối với các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ, cuối kỳ quyết toán TCTy đánh giá lại theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi TCTy mở tài khoản

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại là dài hạn khi có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được phân loại là ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay... Được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của Chủ sở hữu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thì TCTy điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...ngoài ra còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT....

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho TCTy loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm theo thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát, TCTy tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có)

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, Tcty sẽ tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có) kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí bán hàng phản ánh thực tế phát sinh quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, quảng bá thương hiệu, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển

Chi phí quản lý bao gồm các khoản chi phí về tiền lương của Ban lãnh đạo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của Cán bộ CNV TCTy, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi

Đối với các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán thì TCTy không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành , chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Tập đoàn được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Tiền mặt tại quỹ	380.877.483	380.329.477
Tiền gửi ngân hàng	13.300.871.371	3.379.361.837
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	21.950.000.000	-
Cộng	<u>35.631.748.854</u>	<u>3.759.691.314</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/03/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
a1. Ngắn hạn	14.200.000.000	-	14.400.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	14.200.000.000	-	14.400.000.000	-
a2. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	14.200.000.000	-	14.400.000.000	-

b. Đầu tư tài chính dài hạn


b1. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Công ty CP chế biến gỗ Pisico Đông An	Cty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty CP chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty CP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2017	9.504.910.226	12.881.941.089	7.141.150.507	12.517.579.244	132.157.565.481	7.000.000.000	181.203.146.547
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	2.478.534.083	3.972.105	-2.276.460.252	3.654.136.396	-93.593.061	-4.883.711	3.761.705.560
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-31.280.000	-377.550.000	-93.946.496	-357.712.622			(860.489.118)
Cổ tức nhận trong kỳ	-1.651.584.000	-855.000.000	-900.000.000	-2.400.800.000			(5.807.384.000)
CLTG trên bảng CĐKT ứng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2017					-52.283.125		-(52.283.125)
Góp vốn vào Cty LD&LK 2017					5.000.000.000		5.000.000.000
Tại ngày 31/12/2017	10.300.580.309	11.653.363.194	3.870.743.759	13.413.203.018	137.011.689.295	6.995.116.289	183.244.695.864
Tại ngày 01/01/2018	10.300.580.309	11.653.363.194	3.870.743.759	13.413.203.018	137.011.689.295	6.995.116.289	183.244.695.864
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	972.679.831						972.679.831
Cổ tức nhận trong kỳ	-1.266.214.400			-1.740.580.000			(3.006.794.400)
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-34.408.000						(34.408.000)
Tại ngày 31/03/2018	9.972.637.740	11.653.363.194	3.870.743.759	11.672.623.018	137.011.689.295	6.995.116.289	181.176.173.295

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu		
Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Từ 01/01/2018 -> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp B.Định Phải thu tiền ứng vốn	5.540.000.000	4.350.000.000
- Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn Bán hàng		307.549.800
Mua hàng		1.581.071.040
Phải trả		456.510.200
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico Thu tiền cổ tức được chia	1.740.580.000	1.200.400.000
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An Mua hàng	370.563.200	
Thu tiền cổ tức được chia	1.266.214.400	825.792.000
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh Bán hàng		1.850.293.100
Phải thu tiền cho thuê CSHT và mua hàng hóa	427.925.098	1.217.003.000
Phải thu lãi ứng vốn	93.347.222	
Mua hàng		25.725.948.636
Phải trả		7.430.894.361
Thu tiền cổ tức được chia		900.000.000
- Công ty TNHH TM Ánh Việt (Công ty cùng chủ sở hữu) Phải thu (ứng trước tiền mua hàng)	17.000.000.000	
- Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm (Công ty cùng chủ sở hữu) Phải thu (ứng trước tiền mua hàng)	24.000.000.000	
- Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO Phải thu tiền ứng vốn	200.000.000	900.000.000

b2. Đầu tư vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/03/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản Pisico Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Quy Nhơn	-	-	-	-
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Định	280.660	3.639.669.130	280.660	3.639.669.130
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi	-	-	-	-
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)	3.500	35.000.000	3.500	35.000.000
Cộng		7.451.619.996		7.451.619.996



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thông tin về Công ty đầu tư dài hạn tại ngày 31/03/2018 như sau:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty CP Chế biến tinh bột sắn	Thôn Hữu Lộc, Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Bình Định	28.000.000.000	12,71%
Công ty CP CB LS PISICO Quảng Nam	Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	12.000.000.000	18,96%

*** Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/2018	01/01/2018
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:		
- Công ty CP chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	883.905.973	883.905.973

3. Phải thu của khách hàng

	31/03/2018	01/01/2018
a. Tổng Công ty PISICO	63.537.596.533	54.732.755.430
Khách hàng HAGEBAU	588.019.478	1.358.289.878
Khách hàng DEHNER	5.927.685.400	3.930.367.115
Võ Thị Kim Nguyệt		11.863.491.696
Công ty TNHH TM Ánh Việt	16.880.308	3.871.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	16.880.308	3.871.000
Khách hàng A-MIR (Garden Team)	1.698.490.203	1.182.773.025
Công ty TNHH SX TM Tâm Phú		82.060.000
Công ty CP VLXD Mỹ Quang	12.217.325	
Khách hàng COOP ITALIA		935.237.228
Công ty TNHH SX Furniture Sài Gòn	974.270.897	949.502.673
Công ty CP Cơ khí & ĐT Ngôi sao		11.223.960
Công ty TNHH 1 TV Truyền hình cáp QN		
Cty TNHH SX TM Lê Dung	117.418.019	
Khách hàng ASINDO		3.205.374.960
Khách hàng STARTRADE	367.026.660	
Khách hàng CCST	850.396.732	
Khách hàng NAMESTAJ D.O.O	771.279.600	
Khách hàng Steinhoff (Fliba D.O.O)	1.537.900.000	
Khách hàng Globus (nordio)		1.364.999.625
Khách hàng Conforama	5.434.340.275	7.185.989.246
Khách hàng Hubo	288.115.100	574.077.252
Khách hàng Runsvan AB		307.355.532
Khách hàng ADEO	28.982.637.775	12.931.807.449



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/03/2018	01/01/2018
Công ty CP PISICO Hà Thanh	427.925.098	427.925.098
Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn	9.463.289.329	987.406.940
Công ty TNHH SX dăm gỗ Bình Định		666.383.600
Công ty CP gỗ Đại Phúc	623.335.807	928.982.465
Công ty CP ĐT Quốc tế & XNK DHT	816.445.541	966.445.541
Công ty TNHH Vạn Đại	3.274.288.743	3.274.288.743
Công ty TNHH Thành Luân		242.277.469
Công ty TNHH Gia Hưng	122.900.323	122.900.323
Công ty bao bì Hòa Phát	739.686.330	739.686.330
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	486.167.282
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	5.154.145.606	6.012.397.250
DNTN Phú Lợi	1.323.539.125	1.323.539.125
Cty TNHH TM Phú Mỹ	895.165.692	895.165.692
Cty CP DV Công nghiệp Hàng Hải	303.201.540	303.201.540
Cty TM Thăng Long TNHH	12.661.368	27.661.368
Khách hàng khác	2.619.577.881	3.462.829.525
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	790.568.633	802.319.127
Công ty TNHH Truyền thông và QC Đất vồ	-	-
Cty TNHH THC Saigontourist	686.279.732	570.342.726
Khách hàng khác	104.288.901	231.976.401
Cộng	69.482.310.772	61.547.471.807
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	31/03/2018	01/01/2018
a. Tổng Công ty PISICO	41.339.109.020	19.005.638.060
Công ty CP PISICO Hà Thanh		3.500.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Việt	17.000.000.000	12.000.000.000
Cty TNHH SX TM Lê Dung		251.421.146
Cty TNHH LS Ngọc Hà		409.928.200
Công ty TNHH Trồng rừng QN	170.602.320	
Cty CP HD Furniture Group		1.643.852.554
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	24.000.000.000	
XN Lắp máy và XD Quang Trung	109.500.000	
Công ty CP chứng khoán NH Công thương VN	50.000.000	
DNTN Quyên Thắng	9.006.700	
DNTN Quyên Thắng		139.006.700
DNTN Cảnh toàn		80.000.000
Cty TNHH MTV Hậu Minh		380.000.000
Công ty TNHH Hoàng Khôi		601.429.460



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/03/2018	01/01/2016
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	42.537.000	54.537.000
Công ty TNHH Kiểm toán FAC-CN Nha Trang		12.000.000
Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật & MT Trung Việt	42.537.000	42.537.000
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	8.360.000	-
Công ty CP KN và CN Thăng Hồng	8.360.000	-
Cộng	41.390.006.020	19.060.175.060
5. Phải thu khác	31/03/2018	01/01/2018
- Ngắn hạn	1.010.100.424	1.194.780.681
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của các đơn vị thuê đất	11.535.681	19.071.666
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	37.385.050	91.469.631
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng + Lãi ứng vốn	132.834.644	253.288.255
Công ty CP Tinh bột sắn XK Bình Định	448.270.000	448.270.000
Tạm ứng CBCNV	74.007.000	24.787.000
Tiền thuê đất thô phải thu của các DN	78.692.225	130.518.305
Các khoản khác	227.375.824	227.375.824
- Dài hạn	3.927.080.660	3.927.080.660
Tiền đặt cọc thuê Văn phòng Truyền hình cáp	4.800.000	4.800.000
Phải thu lại của NN tiền hỗ trợ bồi thường về đất CCN Cát	3.879.460.660	3.879.460.660
Phải thu lại của nhà nước tiền tạm ứng bồi thường thu hồi đất	42.820.000	42.820.000
Cộng	4.937.181.084	5.121.861.341
6. Hàng tồn kho	31/03/2018	01/01/2018
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	17.560.357.056	24.068.260.045
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.627.652.981	1.850.864.978
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.154.289.406	40.605.383.607
Thành phẩm tồn kho	919.271.789	2.943.863.075
Hàng hóa tồn kho	1.033.373.974	-
Hàng hóa bất động sản	645.609.522	645.609.522
Cộng	43.940.554.728	70.113.981.227
7. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn		
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	486.167.282
Công ty TNHH Vạn Đại	1.339.691.212	1.339.691.212
Công ty DHT	277.942.483	255.296.620
Công ty Đại Phúc	187.000.742	246.385.281
Công ty Gia Hưng	86.030.226	86.030.227
Công ty Bao bì Hòa Phát	220.028.199	81.167.631
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	1.407.539.836	1.407.539.836
Cty TNHH TM Phú Mỹ	562.172.081	562.172.081
DNTN Phú lợi	817.706.387	817.706.387
Cty TM Thăng long TNHH	27.661.368	27.661.368
Cộng	4.004.399.980	3.902.278.089



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

* Chi tiết:

	Tại ngày 31/03/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Có thể thu hồi	Giá gốc	Có thể thu hồi
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	-	486.167.282	-
Công ty TNHH Vạn Đại	2.636.425.404	1.296.734.192	2.636.425.404	1.296.734.192
Công ty DHT	816.445.541	538.503.058	640.959.333	385.662.713
Công ty Đại Phúc	623.335.807	436.335.065	617.519.831	371.134.550
Công ty Gia Hưng	122.900.323	36.870.097	122.900.323	36.870.096
Công ty Bao bì Hòa Phát	733.427.330	513.399.131	270.558.770	189.391.139
Cty TNHH TM Phú Mỹ	773.317.315	211.145.234	773.317.315	211.145.234
DNTN Phú lợi	1.203.749.626	386.043.239	1.203.749.626	386.043.239
Cty TM Thăng long TNHH	27.661.368	-	27.661.368	-
Cộng	7.423.429.996	3.419.030.016	6.779.259.252	2.876.981.163

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2018	01/01/2018
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	881.127.009	881.127.009
- Các hạng mục tại Cụm công nghiệp Canh Vinh	631.127.009	631.127.009
- Các hạng mục tại Cty Truyền Hình Cấp	250.000.000	250.000.000
Cộng	881.127.009	881.127.009

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2018	65.633.306.036	65.182.131.577	11.719.060.099	1.457.678.251	1.055.483.682	145.047.659.645
Đầu tư mới	-	-	-	-	-	0
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.250.000.000	-	-	1.250.000.000
Tại 31/03/2018	65.633.306.036	65.182.131.577	10.469.060.099	1.457.678.251	1.055.483.682	143.797.659.645
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2018	21.462.316.018	32.329.950.299	6.515.960.906	769.927.411	832.399.384	61.910.554.018
Trích khấu hao	730.796.211	1.365.883.519	207.205.694	53.486.520	16.954.899	2.374.326.843
Thanh lý	-	-	1.173.657.327	-	-	1.173.657.327
Tại 31/03/2018	22.193.112.229	33.695.833.818	5.549.509.273	823.413.931	849.354.283	63.111.223.534
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2018	44.170.990.018	32.852.181.278	5.203.099.193	687.750.840	223.084.298	83.137.105.627
Tại 31/03/2018	43.440.193.807	31.486.297.759	4.919.550.826	634.264.320	206.129.399	80.686.436.111



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng</u>	<u>Quyền sử dụng</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2018	-	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Đầu tư mới	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2018	-	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2018	-	1.470.842.064	13.500.000	1.484.342.064
Trích khấu hao	-	77.160.072	3.375.000	80.535.072
Tại ngày 31/03/2018	-	1.548.002.136	16.875.000	1.564.877.136
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018	-	12.136.421.936	40.500.000	12.176.921.936
Tại ngày 31/03/2018	-	12.059.261.864	37.125.000	12.096.386.864

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình</u>	<u>Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn</u>	<u>Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2018	38.635.719.983	29.684.990.157	16.311.419.215	84.632.129.355
Đầu tư mới	-	-	-	-
Phát sinh giảm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2018	38.635.719.983	29.684.990.157	16.311.419.215	84.632.129.355
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2018	29.366.153.275	15.497.181.192	5.485.160.460	50.348.494.927
Trích khấu hao	652.721.914	502.955.359	225.218.777	1.380.896.050
Phát sinh giảm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2018	30.018.875.189	16.000.136.551	5.710.379.237	51.729.390.977
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018	9.269.566.708	14.187.808.965	10.826.258.755	34.283.634.428
Tại ngày 31/03/2018	8.616.844.794	13.684.853.606	10.601.039.978	32.902.738.378

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Nhơn Bình (thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) và Cụm công nghiệp Canh Vinh (xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định) đang cho bên

12. Chi phí trả trước

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	221.264.876	160.938.010
Chi phí trả trước dài hạn	6.232.063.218	6.636.886.739
Cộng	6.453.328.094	6.797.824.749



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Vay và nợ thuê tài chính**

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2018	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 31/03/2018
VCB Quy Nhơn (a)	52.574.161.885	76.144.333.419	69.501.325.031	127.392.833	59.344.563.106
Vay Việt Nam Đồng	2.410.727.796	44.261.923.390	10.410.727.796		36.261.923.390
Vay Đô - la Mỹ	50.163.434.089	31.882.410.029	59.090.597.235	127.392.833	23.082.639.716
BIDV Bình Định (b)	-	-	-		
Vay Đô - la Mỹ	0	0	0		
Tổ chức khác	-	-	-		
Viettinbank (VND)	-	18.811.800.000	-		18.811.800.000
Cộng	52.574.161.885	94.956.133.419	69.501.325.031	127.392.833	78.156.363.106

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2018	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Điều chỉnh trong kỳ	Tại ngày 31/03/2018
A. Vay dài hạn	6.875.000.000	0	0	-	6.875.000.000
VCB Quy Nhơn (a)	6.875.000.000	0	0	-	6.875.000.000
Vay Việt Nam Đồng	6.875.000.000	0	0	-	6.875.000.000
B. Vay dài hạn đến hạn trả	0	0	625.000.000	-	1.875.000.000
VCB Quy Nhơn			625.000.000	-	1.875.000.000
Vay Việt Nam Đồng	2.500.000.000		625.000.000	-	1.875.000.000
Cộng	9.375.000.000	0	625.000.000	-	8.750.000.000

14. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/03/2018	01/01/2018
a. Tổng Công ty PISICO	30.684.048.503	17.110.507.285
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	-	56.830.510
DNTN Quyên thắng	162.018.945	
DNTN Lê Duy hiền	473.620.620	
DNTN Dệt May TM Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần phần mềm thông tin kinh doanh	9.000.000	9.000.000
Công ty TNHH DV Danh Thắng	2.430.319.980	
Công ty TNHH Thảo Truyền	151.900.000	151.900.000
Công ty TNHH Trồng rừng Phú Hòa	916.877.500	
Công ty TNHH kiểm toán RMS VN - CN Miền trung	70.000.000	
DNTN TM Hoàng Việt	406.577.545	
Công ty TNHH SX TM & DV Đức Thịnh	1.123.640.870	
Công ty TNHH ĐT & XD Lê Gia	912.065.220	
Công ty TNHH DV TH Hoàng Lan	1.141.792.685	
Công ty TNHH MTV Huỳnh Hồng Nga	1.320.654.335	
DNTN Thiện Phú	806.470.940	
Cty TNHH SXTM LN Hưng Thịnh	1.713.646.825	

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/03/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Đức Thành	2.440.769.751	965.743.839
Công ty TNHH Lê Gia	15.863.920	641.275.657
Công ty TNHH Hoàng Trang	3.854.954.863	1.939.093.851
Khách hàng Lê Hữu Tài	34.405.020	31.454.797
Công ty TNHH Hóa Keo Bình Thạnh	414.939.470	825.810.150
Công ty TNHH May Trường Thịnh		220.774.400
Công ty TNHH SX TM Bảo Bảo		165.063.140
Cửa hàng Hoàng Yên	291.794.000	147.426.000
Công ty TNHH Hiệp Phát	7.646.650	7.646.650
Khách hàng Nguyễn Việt Hưng	53.763.600	42.471.000
DNTN Quang huy	214.946.600	98.241.000
Cửa hàng TCT	162.358.800	147.016.840
Khách hàng Nguyễn Hạnh Cúc	219.899.000	204.893.500
Khách hàng Kim Tuyền	24.748.000	73.795.100
Công ty TNHH SX TM Tân Anh Thê		45.922.635
Cửa hàng An Thuận Phát	5.000.000	
Hiệu buôn Hà Thái	4.920.000	
Công ty TNHH Phú Gia Lâm	375.247.070	471.923.155
Công ty TNHH Bích Việt		
Cty CP HD Furniture Group	298.032.628	
Cty CP Phú Tài	4.840.000	
Công ty TNHH Hoàng Khôi	159.502.724	
Công ty TNHH DV TM Tân Phát	368.053.400	215.413.000
Công ty TNHH kỹ nghệ Eco	381.544.086	76.229.340
Công ty TNHH LS Ngọc Hà	396.270.048	
Công ty CP Tân Tiến	371.204.556	305.258.278
Công ty TNHH SX TM Xuyên Việt	112.631.200	235.831.200
Công ty CP SX TM Vĩnh Phúc	665.148.000	602.448.000
Cty TNHH Minh Tiến	18.477.900	
Cty TNHH TM DV M&H		5.016.000
Công ty TNHH Tân Đại Phú		4.070.000
Cty CP Petec Bình Định	8.209.300	
Cửa hàng TB Điện Nam Việt	1.680.000	
Công ty TNHH Xuân Huy Phát	601.333.103	424.325.550
Công ty TNHH Hoàng Tâm	728.629.025	810.868.125
Công ty SX Q&B	178.866.600	
HTX Vận tải cơ giới 1/4 Q.Nhơn		8.850.000
Cửa hàng xăng dầu quân đội	7.480.000	
Cty TNHH SX TM Sao Vàng	80.259.300	84.362.850
Công ty TNHH Tân Việt	524.198.400	
Cửa hàng dầu nhớt Thanh Điềm	3.000.000	
Công ty TNHH MTV CK Thế Bằng	225.576.534	1.903.703.400
Cửa hàng Đức Trí	1.800.000	
Khách hàng Phúc Thành	10.800.000	8.640.000



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Công ty TNHH MTV Anh Minh	23.014.286	38.849.406
Công ty TNHH SX TM DV Tân Thành Long	19.188.400	8.932.000
Công ty TNHH Đồng Tiến	835.122.332	1.201.185.150
Cty TNHH Tân Thành Long	1.320.000	
Công ty TNHH Thành phát VINA	16.520.900	14.857.700
Nguyễn Thị Minh Hiền	2.500.000	
Công ty TNHH Sơn Tín Phát	69.300.000	37.884.000
Công ty TNHH Thanh Phước	82.720.000	9.108.000
Cty CP Trường Hải	1.016.381.345	870.878.440
CTy TNHH Toàn Gia Đạt	182.451.826	623.939.026
Cty TNHH Gỗ Thành Phúc	1.937.858.228	1.491.432.250
Cty TNHH TM DV T.U.T	29.106.000	24.618.000
Cty TNHH Ánh Dương		173.758.000
Vinatrans Quy Nhơn		16.736.500
Ngô Thị hồng Phương		51.047.400
CTy TNHH Cơ Hội Mới	2.387.462	16.578.287
DNTN Thành Xuân	18.150.000	10.450.000
Cty TNHH Nguyễn Phương Quân		10.805.300
Cty TNHH TM XNK Chân Thành	174.028.140	67.778.700
Cty TNHH MTV Tân Anh Tuấn		42.024.180
Cty CP Công nghệ gỗ Trường Thành		26.484.461
Cty TNHH Tân Bình	246.416.697	254.274.548
Cty TNHH Taxi Trang Hiệp Thành		14.465.000
Cty TNHH MTV vận tải & TM Toàn Tâm	41.744.274	31.251.970
Nhà sách Đông Phương	13.940.000	141.871.000
DNTN TM Bình An	34.568.600	-
Văn nổi	29.951.000	-
b. Công ty CP PT Hạ tầng PBC	62.605.564	62.605.564
Công ty TNHH Xây dựng Bảo Long	2.539.564	2.539.564
Cty TNHH TM & XD Lê Mạnh	20.739.000	20.739.000
Cty TNHH XD TH Hà Thanh	39.327.000	39.327.000
c. Công ty TNHH MTV Truyền Hình Cấp QN	-	-
Cộng	<u>30.746.654.067</u>	<u>17.173.112.849</u>
15. Người mua trả tiền trước		
	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
a. Tổng Công ty PISICO	3.328.575.144	3.348.026.482
Khách hàng HARTMAN	991.961.677	1.247.906.094
Khách hàng SMT J/S	6.868.170	6.868.170
Khách hàng CCST LTD		305.474.440
Công ty TNHH Trồng Rừng QN		1.744.586.356
Khách hàng FREE STYLE	10.765.826	10.765.826
Công ty TNHH Thuận Đức	2.286.553.875	
Khách hàng Triwin Resources	32.425.596	32.425.596
Cộng	<u>3.328.575.144</u>	<u>3.348.026.482</u>



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/03/2018	01/01/2018
Thuế giá trị gia tăng	708.506.923	897.859.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.418.164.541	1.548.156.750
Thuế thu nhập cá nhân	62.845.821	132.140.354
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	139.770.428	-
Các loại thuế khác	-	301.880.223
Cộng	2.329.287.713	2.880.036.433

Chi tiết như sau:


	Tại ngày 01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/03/2018
Thuế GTGT bán hàng nội địa	897.859.106	866.742.975	1.056.095.158	708.506.923
Thuế GTGT hàng NK	-	217.957.043	217.957.043	-
Thuế thu nhập DN	1.548.156.750	1.662.761.275	1.792.753.484	1.418.164.541
Thuế môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Thuế nhà đất, thuê đất	-	140.099.009	328.581	139.770.428
Thuế thu nhập cá nhân	131.110.849	282.886.301	351.151.329	62.845.821
- TCTy	125.375.354	243.781.972	316.796.084	52.361.242
- Cáp	6.765.000	37.100.245	33.585.245	10.280.000
- PBC	(1.029.505)	2.004.084	770.000	204.579
Thuế khác	301.880.223	8.700	301.888.923	-
Cộng	2.879.006.928	3.184.455.303	3.734.174.518	2.329.287.713

17. Chi phí phải trả

	31/03/2018	01/01/2018
Chi phí thuê bản quyền truyền hình	1.872.779.577	799.168.061
Lãi vay phải trả	-	42.041.570
Tiền lương, phép và tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	173.855.500	189.269.250
Các khoản chi phí khác	1.799.115.702	503.675.916
Tiền nước sản xuất (Cty PBC)	66.142.198	31.346.784
Phí kiểm toán BCTC	17.045.454	171.590.908
Cộng	3.928.938.431	1.737.092.489

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2018	01/01/2018
Tiền bảo hành các hạng mục XDCB	10.000.000	10.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	319.682.945	318.563.340
Kinh phí công đoàn	598.891.289	522.603.869
Cty Nhuận bang (LN Phải trả)	58.634.180	58.634.180
Công ty Cổ phần thực phẩm XK Bình Định	712.971.000	712.971.000
Công ty CP TM ĐT&PT Miền Núi	113.784.055	113.784.055
Phải trả Công Đoàn TCTy	308.245.139	181.737.491
Tiền ốm đau, thai sản (có 1388)	-	11.099.400
Tiền thuê đất thô phải thu các DN	53.533.338	53.533.338
Các khoản khác	12.696.679	35.801.169
Cộng	2.188.438.625	2.018.727.842



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Tại ngày 01/01/2018	689.988.961
Trích từ lợi nhuận sau thuế	635.108.976
Thu khác	725.411
Chi khen thưởng, phúc lợi	805.478.976
Số dư tại 31/03/2018	<u><u>520.344.372</u></u>

20. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
a. Ngắn hạn	3.565.127.872	6.672.121.412
Doanh thu nhận trước cho thuê cơ sở hạ tầng CCN Nhơn	476.910.626	2.186.321.532
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	2.808.344.641	4.170.336.984
Cho thuê Văn phòng		
Doanh thu nhận trước tiền thuê bao Truyền hình cáp	279.872.605	315.462.896
b. Dài hạn	36.912.435.404	37.106.949.769
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	30.290.920.750	30.504.861.156
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình chưa thực hiện.	6.621.514.654	6.602.088.613
Cộng	<u><u>40.477.563.276</u></u>	<u><u>43.779.071.181</u></u>



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2017	275.000.000.000	522.569.600	26.695.932.326	9.009.227.540	42.730.987.268	353.958.716.734
Lợi nhuận năm 2017					25.122.923.104	25.122.923.104
Trích Quỹ ĐTPPT				3.694.108.000	(3.694.108.000)	-
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(5.026.610.833)	(5.026.610.833)
Chia cổ tức					(17.050.000.000)	(17.050.000.000)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					(860.489.118)	(860.489.118)
CL tỷ giá năm 2017			(52.283.125)			(52.283.125)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh (TH Cấp)					(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Chi khác					(35.416.667)	(35.416.667)
Tại ngày 31/12/2017	275.000.000.000	522.569.600	26.643.649.201	12.703.335.540	38.687.285.754	353.556.840.095
Tại ngày 01/01/2018	275.000.000.000	522.569.600	26.643.649.201	12.703.335.540	38.687.285.754	353.556.840.095
Lợi nhuận quý 1/2018					7.965.636.245	7.965.636.245
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					-635.108.976	(635.108.976)
Chia cổ tức					-19.250.000.000	(19.250.000.000)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					(34.408.000)	(34.408.000)
Chi khác					-240.000.000	(240.000.000)
Tại ngày 31/03/2018	275.000.000.000	522.569.600	26.643.649.201	12.703.335.540	26.493.405.023	341.362.959.364



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Tại ngày 31/03/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Cộng		275.000.000.000		275.000.000.000

	31/03/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

22. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Phát triển hạ tầng P.B.C	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2017	7.658.430.103	7.658.430.103
LN của cổ đông thiểu số 2017	1.513.957.826	1.513.957.826
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CĐTS	(251.959.167)	(251.959.167)
Chia cổ tức cho CĐTS	(2.843.750.000)	(2.843.750.000)
Chi khác	(14.583.333)	(14.583.333)
Tại ngày 31/12/2017	6.062.095.429	6.062.095.429
Tại ngày 01/01/2018		
LN của cổ đông thiểu số Quý 1/2018	212.132.636	212.132.636
Chia cổ tức cho CĐTS	(218.750.000)	(218.750.000)
Chi khác	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CĐTS	-	-
Tại ngày 31/03/2018	6.055.478.065	6.055.478.065

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

	31/03/2018	01/01/2018
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	72.820,83	49.175,44
EURO	413,91	420,59
d. Nợ khó đòi đã xử lý	5.623.669.639	5.623.669.639



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Tổng doanh thu	117.160.543.594	136.163.133.891
Các khoản giảm trừ		-
Doanh thu thuần	117.160.543.594	136.163.133.891
Trong đó:		
Doanh thu sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	104.898.582.189	123.782.894.905
Doanh thu cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	4.082.129.765	3.836.997.844
Doanh thu DV Truyền Hình Cấp	8.179.831.640	8.543.241.142
Cộng	117.160.543.594	136.163.133.891

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Giá vốn sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	87.467.237.768	107.469.142.244
Giá vốn cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	2.369.494.522	2.170.669.334
Giá vốn DV Truyền Hình Cấp	3.506.058.053	3.498.953.869
Cộng	93.342.790.343	113.138.765.447

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Cổ tức và lợi nhuận được chia	910.000.000	227.500.000
Lãi tiền gửi, cho vay	130.650.127	101.974.276
Lãi chênh lệch tỷ giá	253.382.590	348.955.903
Cộng	1.294.032.717	678.430.179

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Chi phí lãi vay	765.449.632	412.484.956
Lỗ chênh lệch tỷ giá	127.898.515	293.750.456
Cộng	893.348.147	706.235.412

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Lãi thanh lý tài sản cố định	241.839.145	-
Xử lý nợ, Thu hồi nợ	6.376.000	5.609.162
Thu nhập khác	5.681.817	7.000.000
Cộng	253.896.962	12.609.162



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Xử lý nợ	60.126.000	31.664
Chi thù lao HĐQT tại Cty PBC	12.000.000	21.000.000
Các khoản chi phí khác	2.184.047	4.993.000
Cộng	74.310.047	26.024.664

7. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Phần lãi / (lỗ) trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết:		
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	972.679.831	949.244.350
Cộng	972.679.831	949.244.350

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Lợi nhuận trước thuế	9.840.530.156	9.090.140.739
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	355.956.047	100.505.000
Các khoản chi phí không được trừ	355.956.047	100.505.000
Các khoản điều chỉnh giảm	1.882.679.831	1.176.744.350
Cổ tức và phần lãi từ công ty liên kết	1.882.679.831	1.176.744.350
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	8.313.806.372	8.013.901.389
<u>Trong đó:</u>		
Tổng thu nhập chịu thuế suất 20%	8.313.806.372	8.013.901.389
Thuế TNDN tính theo thuế suất	1.662.761.275	1.602.780.278
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.662.761.275	1.602.780.278

9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
- Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C	212.132.636	207.634.380
Cộng	212.132.636	207.634.380



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản, Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	7.965.636.245	7.279.726.081
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.965.636.245	7.279.726.081
Trích Quỹ khen thưởng, Phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	290	265
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	290	265

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.498.084.411	25.185.898.230
Chi phí nhân công	18.667.810.940	16.921.900.954
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.835.757.965	3.206.931.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.732.158.773	27.478.864.092
Chi phí khác bằng tiền	7.242.690.887	5.066.580.627
Cộng	87.976.502.976	77.860.174.967

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Khấu hao tài sản cố định**

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	2.374.326.843	1.763.080.234
Khấu hao tài sản cố định vô hình	80.535.072	80.535.072
Khấu hao bất động sản	1.380.896.050	1.363.315.758
Cộng	3.835.757.965	3.206.931.064

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Lãi tiền gửi, cho vay	130.650.127	101.974.276
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	241.839.145	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	910.000.000	227.500.000
Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	972.679.831	949.244.350
Cộng	2.255.169.103	1.278.718.626



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Tiền thu từ đi vay**

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Tiền vay ngân hàng	94.956.133.419	78.420.206.071
Cộng	94.956.133.419	78.420.206.071

4. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2018-> 31/03/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/03/2017
Tiền vay ngân hàng	70.126.325.031	72.209.905.941
Cộng	70.126.325.031	72.209.905.941

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận kinh doanh chính phân chia theo các lĩnh vực chính dưới sự quản lý của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp: bao gồm sản xuất chế biến, mua bán lâm sản, trồng rừng, các sản phẩm và sản phẩm dịch vụ liên quan đến rừng trồng;
- Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và các dịch vụ đi kèm;
- Dịch vụ truyền hình cáp và các dịch vụ đi kèm;
- Đầu tư tài chính: Đầu tư vào vào các công ty liên doanh liên kết và các doanh nghiệp khác có hoạt động kinh doanh phù hợp với hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

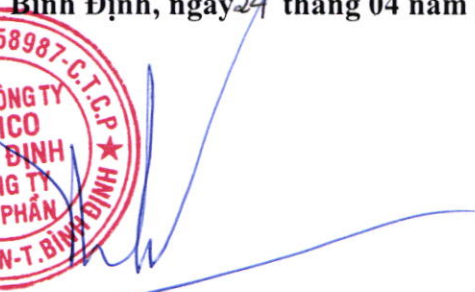
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	Hạ tầng Cụm Công nghiệp	Truyền hình cáp	Đầu tư tài chính	Phần theo dõi và quản lý chung	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.898.582.189	4.082.129.765	8.179.831.640			117.160.543.594
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	253.382.590	28.401.290	1.038.083	1.882.679.831	101.210.754	2.266.712.548
Thu nhập khác	241.839.145	0	12.057.817			253.896.962
Tổng doanh thu và thu nhập khác	105.393.803.924	4.110.531.055	8.192.927.540	1.882.679.831	101.210.754	119.681.153.104
Giá vốn hàng bán	87.467.237.768	2.369.494.522	3.506.058.053			93.342.790.343
Chi phí bán hàng	8.336.283.734		393.641.055			8.729.924.789
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.217.884.197	646.887.396	1.935.478.029	0		6.800.249.622
Chi phí tài chính	127.898.515	0	181.983.820	0	583.465.812	893.348.147
Chi phí khác	8.700	12.000.000	62.301.347			74.310.047
Chi phí phân bổ trực tiếp của bộ phận	100.149.312.914	3.028.381.918	6.079.462.304	0		109.257.157.136
Chi phí được theo dõi chung của các bộ phận					583.465.812	583.465.812
Tổng chi phí	100.149.312.914	3.028.381.918	6.079.462.304	0	583.465.812	109.840.622.948
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	5.244.491.010	1.082.149.137	2.113.465.236	1.882.679.831	-482.255.058	9.840.530.156
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	1.381.695.459	1.417.437.451	1.036.625.055			3.835.757.965
Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ	0	0	0			0
Tài sản phân bổ trực tiếp của bộ phận	183.494.022.332	94.320.905.480	28.468.311.970	187.743.887.318		494.027.127.100
Tài sản được theo dõi và quản lý chung					38.246.483.211	38.246.483.211
Tổng tài sản	183.494.022.332	94.320.905.480	28.468.311.970	187.743.887.318	38.246.483.211	532.273.610.311

2. Thông tin khác

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2018


Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Hoàng Lam
Phụ trách kế toán


Đồng Thị Ánh
Tổng Giám đốc